TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày 30 - 01 - 2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 664/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: ấp TC, xã TP, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đỗ Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp BS, xã ĐD, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2025).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H1, sinh ngày 01/01/1966; địa chỉ cư trú: ấp TC, xã TP, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Đỗ Quốc D trình bày: Vào ngày 30/4/2025 âl, ông H cho bà H1 mượn số tiền 76.000.000đ, có làm biên nhận, thời hạn là khi nào ông H cần thì thông báo cho bà H1 trả. Sau đó, bà H1 có trả cho ông H được số tiền 16.000.000đ, còn nợ lại 60.000.000đ. Hiện ông H cần lấy lại tiền và thông báo cho cho bà H1, nhưng bà H1 cố tình lẫn tránh. Nay ông H yêu cầu bà H1 trả tôi số tiền 60.000.000đ.

Bà Trần Thị H1 trình bày: Bà có vay của ông H sô tiền 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày để đóng tiền lãi vay cho bà X. Tiền lãi được bà đóng

một lần là 10 ngày với số tiền 500.000đ, đóng đến khi bà không còn khả năng trả tiền lãi. Sau đó, ông H buộc bà làm biên nhận nợ với số tiền lãi nhập vốn là 76.000.000đ. Bà có trả được số tiền 16.000.000đ, còn nợ lại 60.000.000đ. Nay bà không đồng ý trả cho ông H số tiền 60.000.000đ, bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn 10.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H1 là vụ kiện tranh chấp đòi lại tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Anh Dg có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, bà H1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà H1 có mượn của ông H số tiền 76.000.000đ. Sau khi mượn, bà H1 có trả cho ông H được số tiền 16.000.000đ, còn nợ số tiền 60.000.000đ chưa trả. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch mượn tiền với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, bà H1 có ký tên vào biên nhận. Trong quá trình giải quyết, bà H1 không có yêu cầu phản tố. Bà xác định số tiền 76.000.000đ là lãi nhập vốn, nên bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền vốn vay là 10.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa anh D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận số tiền 76.000.000đ là lãi nhập vốn. Anh D khẳng định số tiền 76.000.000đ là tiền mượn và bà H1 đã ký biên nhận mượn với số tiền đó. Xét thấy: Ngoài lời trình bày không được anh D thừa nhận, bà H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh trong số tiền 76.000.000đ có số tiền lãi nhập vào. Mặt khác, tại phiên hòa giải ngày 09/01/2026, bà H1 thừa nhận có nợ ông H số tiền 60.000.000đ và đồng ý trả. Nhưng sau đó, bà H1 thay đổi ý kiến và không đồng ý trả cho ông H số tiền 60.000.000đ. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định bà H1 có nợ ông H số tiền 60.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Xét về án phí dân sự: Bà H1 là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1. Buộc bà Trần Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu bà Trần Thị H1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà H1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Trần Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh